|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name:** Tổng biên tập | **ID:**E01 |
| **Description:**  Người chịu trách nhiệm duyệt bản tin, trả bản tin về và đưa bản tin lên internet hoặc intranet, bên cạnh đó cũng chịu trách nhiệm hạ những tin trên internet hoặc intranet xuống, đồng thời cũng có thể soạn bản tin để đăng lên. | |
| **Provides assumptions:**  ***Tổng biên tập:***   1. Đưa ra các quyết định duyệt tin hay không 2. Soạn thảo các bản tin 3. Gửi trả bản tin về cho cấp dưới 4. Ủy quyền cho người khác có vai trò như mình trong 1 khoàn thời gian nhất định | |
| **Requires assumptions:**   1. Giao diện dễ dàng quản lý các tin tức chờ xét duyệt trước khi đưa ra internet 2. Có thể dễ dàng quản lý các tin tức đã đăng, chưa đăng (chờ xét duyệt) 3. Cho phép gửi trả bản tin về cấp dưới và có thể chọn một người bất kỳ để nhận tin 4. Cho phép ủy quyền cho người khác làm các việc thay cho tổng biên tập trong một khoảng thời gian nhất định. 5. Có thể chọn trạng thái tin (hot/ new) trước khi đăng trong 1 khoản thời gian nhất định | |
| **identified use cases:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name:** Biên tập | **ID:**E02 |
| **Description:**  Chịu trách nhiệm soạn thảo văn bản, kiểm tra các bản tin được gửi từ phóng viên | |
| **Provides assumptions:**  Phóng viên sẽ:   1. Soạn thảo các bản tin 2. Gửi bản tin lên tổng biên tập hoặc gửi trả về phóng viên | |
| **Requires assumptions:**   1. Giao diện dễ dàng thao tác soạn thảo văn bản 2. Cho phép gởi bản tin đã soạn lên tổng biên tập hoặc gửi trả về phóng viên. 3. Có thể chỉnh sửa bản tin khi cấp trên chưa xét duyệt tin đã gửi lên | |
| **identified use cases:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Entity Name:** Phóng viên | **ID:**E02 |
| **Description:**  Chịu trách nhiệm soạn thảo văn bản, tạo danh mục | |
| **Provides assumptions:**  Phóng viên sẽ:   1. Soạn thảo các bản tin 2. Gửi bản tin lên biên tập hoặc tổng biên tập 3. Chỉnh sửa tin khi tin đã gửi lên cấp trên và chưa được xét duyệt | |
| **Requires assumptions:**   1. Cung cấp giao diện dễ dàng thao tác soạn thảo văn bản 2. Cho phép gởi bản tin đã soạn lên cấp trên (theo cấp bậc hoặc vượt cấp) 3. Có thể lấy về chỉnh sửa khi cấp trên chưa xét duyệt | |
| **identified use cases:** | |